

Ảnh hưởng của gia đình đối với giáo dục đại học của thanh niên Hà Nội

Phùng Thị Kim Anh

Viện Gia đình và Giới

Tóm tắt: Dựa trên số liệu của Điều tra Vị thành niên và Thanh niên Hà nội năm 2006, bài viết tìm hiểu ảnh hưởng của gia đình đối với giáo dục đại học của thanh niên. Trong bối cảnh các gia đình Việt Nam thực sự quan tâm và kỳ vọng vào giáo dục bậc đại học cho con em mình, tác giả tập trung tìm hiểu ảnh hưởng của gia đình đối với việc theo học đại học và đối với học lực của sinh viên. Sử dụng mô hình phân hồi quy đa biến, có thể giải thích được 20,8 % tác động của gia đình đối với tỷ lệ theo học đại học của thanh niên và chỉ giải thích 6,8% tác động của gia đình đối với học lực khá giỏi của thanh niên ở bậc đại học. Kết quả phân tích cụ thể cho thấy nếu việc thanh niên theo học đại học chịu ảnh hưởng đáng kể của gia đình thì thành tích học tập (khá giỏi) của thanh niên ở bậc đại học là do các yếu tố ngoài gia đình quyết định nhiều hơn. Các yếu tố này có thể là năng lực của mỗi cá nhân hoặc khuôn mẫu trong trường học hay đặc thù của thiết chế giáo dục ở Việt Nam

Từ khóa: Thanh niên; Giáo dục; Giáo dục gia đình; Giáo dục Đại học.

Giới thiệu

Hoạt động giáo dục của Việt Nam đang có nhiều biến đổi nhanh chóng và mạnh mẽ, đặc biệt, giáo dục bậc đại học là đích hướng tới của nhiều

thanh niên hiện nay. Sự ra đời của nhiều trường đại học trong thời gian vừa qua một mặt thể hiện sự phát triển của giáo dục bậc đại học, mặt khác, sẽ mang lại cho đất nước nguồn nhân lực dồi dào. Giáo dục bậc đại học nhằm nâng cao khả năng sản xuất của người lao động bằng cách trang bị cho họ những kiến thức và kỹ năng hữu ích, vì thế mang đến nhiều cơ hội việc làm cho người lao động và thu nhập của họ cũng tăng dần theo thời gian.

Với một quốc gia có truyền thống hiếu học như Việt Nam thì ảnh hưởng của gia đình đối với việc con cái tham gia học tập bậc giáo dục đại học rất đáng chú ý. Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng gia đình với chức năng giáo dục có ảnh hưởng đến việc học tập của con cái nói chung và giáo dục đại học cho thanh niên nói riêng. Các bậc cha mẹ ở Việt Nam thường kỳ vọng con cái họ đạt được những bằng cấp nhất định, thể hiện ở việc họ khuyến khích con em mình học lên đại học, mặc dù vẫn còn hiện tượng nhiều bậc phụ huynh chưa thực sự quan tâm đến ngành nghề, chất lượng và hiệu quả học tập ở đại học. Cha mẹ thường đầu tư vào việc học tập cho con em họ dưới nhiều hình thức, bất kể tình trạng kinh tế xã hội của gia đình, với mong muốn thu được thành quả là con cái họ có trình độ chuyên môn, mở ra cơ hội việc làm với thu nhập cao.

Một trong những ảnh hưởng trực tiếp nhất của gia đình lên giáo dục của con cái là trình độ học vấn hay nghề nghiệp của cha mẹ. Một nghiên cứu của Phân viện Báo chí và Tuyên truyền với 600 hộ gia đình ở Hà Nội cho thấy những bậc phụ huynh có trình độ học vấn cao hơn và khá giả hơn về kinh tế có mức đầu tư lớn hơn. Đặc biệt, yếu tố nghề nghiệp của chủ hộ cũng đóng một vai trò quan trọng, ở các hộ gia đình có chủ hộ hoạt động phi nông nghiệp có sự biến đổi nhanh hơn so với các hộ gia đình làm hỗn hợp và thuần nông nghiệp (Phạm Hương Trà, 2008).

Phân tích của Nguyễn Thị Minh Phương (2008) trong một nghiên cứu tại ba xã Tam Sơn, Đông Kỵ và Phù Lưu (đồng bằng Bắc Bộ) cũng xác nhận ảnh hưởng về học vấn và nghề nghiệp của cha mẹ lên con cái. Tuy nhiên, ảnh hưởng này khá phức tạp và có thể bị can thiệp bởi nhiều yếu tố. Đặc biệt, học vấn của cha mẹ là một yếu tố quan trọng giải thích sự khác biệt về học vấn của con cái thuộc các gia đình có học vấn bố mẹ khác nhau. Sự khác biệt này càng rõ ràng khi bố mẹ có học vấn cấp ba trở lên và con cái họ có nhiều khả năng học hết cấp ba hoặc cao hơn.

Nhiều kết quả nghiên cứu cho thấy một trong những yếu tố có ảnh hưởng không nhỏ đến việc đi học của con cái là mức sống gia đình và khả năng đầu tư cho giáo dục của hộ gia đình. Kỳ vọng vào việc cho con theo

học đại học của cha mẹ có thể khiến cho các gia đình sẵn sàng bỏ ra các khoản chi phí cần thiết cho giáo dục vì thực ra đó là những khoản đầu tư cho sự phát triển trong tương lai của con cái họ. Một phân tích kinh tế về mức chi phí cho giáo dục cho thấy mỗi học sinh Việt Nam được gia đình đầu tư trung bình mỗi năm khoảng 781 nghìn đồng (tính theo giá năm 1994). Số tiền mà các gia đình bỏ ra trung bình hàng năm cho một sinh viên đại học là 1.768 nghìn đồng, chiếm 69,4% tổng chi phí. Trong khi đó, ở một quốc gia khác có ngành công nghiệp đại học phát triển (Mỹ), đóng góp từ gia đình và học sinh chiếm khoảng 43% (Lê Ngọc Hùng, 2006).

Kết quả khảo sát của dự án nghiên cứu “Vị thành niên và chính sách đối với vị thành niên”, cũng chỉ ra mức sống gia đình tác động đáng kể đến việc học thêm của vị thành niên (qua phân tích hồi quy logistic). Kết quả cho thấy vị thành niên có hoàn cảnh kinh tế khó khăn giảm đi 30% cơ hội học thêm so với vị thành niên ở các gia đình khá giả (Đặng Vũ Cảnh Linh, 2003). Tuy nhiên, tác động của mức sống gia đình đến việc đi học khá phức tạp và không đơn giản một chiều là cứ giàu hơn thì tỷ lệ đi học cao hơn bởi cần phải tính đến các yếu tố phi vật chất như sự động viên, sự chăm sóc, sự dạy dỗ của gia đình, điều mà không hẳn sự giàu có có thể giúp cha mẹ có lối động viên, chăm sóc tốt hơn (Nguyễn Thị Minh Phương, 2007).

Các yếu tố xã hội khác của gia đình cũng có tác động đến việc học hành của con cái. Nghiên cứu của Đặng Vũ Cảnh Linh (2003) chỉ ra yếu tố khu vực cũng là một chỉ báo tác động mạnh đến việc học thêm của vị thành niên với vị thành niên ở thành phố có cơ hội học thêm cao gấp 1,3 lần so với vị thành niên nông thôn.

Trong một nghiên cứu với 167 hộ gia đình có con đang trong độ tuổi đi học ở xã Phước Thạch, tỉnh Tiền Giang, Nguyễn Thị Minh Phương (2007) xác nhận địa vị xã hội của cha mẹ có ảnh hưởng đến việc học tập của con cái. Qua phân tích số liệu của hai cuộc khảo sát mức sống dân cư năm 1993 và 1998, Đỗ Thiên Kính (2005) chỉ ra xu hướng bất bình đẳng về giáo dục ở Việt Nam lớn nhất là ở cấp đại học, thể hiện ở số lượng tăng thêm sinh viên vào đại học (trên 100 em trong độ tuổi thanh niên) ở nhóm có địa vị xã hội cao luôn lớn hơn số lượng đó của nhóm có địa vị xã hội thấp. Tác giả cho rằng địa vị xã hội của gia đình đã có tác động bền vững đến giáo dục đạt được nói chung, đồng thời, sự tác động này nổi rõ hơn ở cấp đại học và tạo ra cơ hội vào trường đại học cho số con em thuộc nhóm gia đình có địa vị xã hội cao luôn nhiều hơn con em ở nhóm gia đình có địa vị xã hội thấp (Đỗ Thiên Kính, 2005).

Nhìn chung, ảnh hưởng của gia đình không những liên quan trực tiếp đến tình hình đi học của thanh niên mà còn liên quan đến kết quả học tập cũng như định hướng về ngành học. Kết quả học tập có thể giỏi hoặc kém, mong muốn về học vấn ở cấp học cao hay thấp, sự lựa chọn ngành học sẽ tùy thuộc vào mối liên hệ giữa thanh niên và những đặc điểm về nghề nghiệp, trình độ học vấn của cha mẹ. Dựa trên kết quả nghiên cứu định lượng của Điều tra vị thành niên và thanh niên Hà Nội, bài viết tìm hiểu ảnh hưởng của gia đình đến thực trạng đi học cao đẳng, đại học và sau đại học (gọi chung là giáo dục bậc đại học) và kết quả học tập của thanh niên hiện nay.

Kết quả nghiên cứu

Cuộc Điều tra Vị thành niên và Thanh niên Hà Nội được tiến hành năm 2006 với 6.363 vị thành niên và thanh niên Hà Nội tham gia. Mục đích cuộc điều tra là đưa ra một bức tranh tích cực về đời sống vị thành niên và thanh niên Hà Nội với những cơ hội và thách thức trong bối cảnh phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Nội dung phân tích của bài viết tập trung vào vấn đề giáo dục bậc đại học cho thanh niên Hà Nội. Do đó, kết quả phân tích được xử lý từ dữ liệu của 4.685 thanh niên (từ 18 đến 24 tuổi) tham gia khảo sát, trong đó, nam thanh niên chiếm 49,4%, nữ thanh niên chiếm 50,6%. Bởi đây không phải là cuộc khảo sát chuyên sâu về giáo dục nên ảnh hưởng của gia đình đối với giáo dục đại học của thanh niên Hà Nội chỉ được phân tích qua tỷ lệ tham gia và kết quả học tập ở bậc đại học của các em.

1. Trình độ học vấn và tình hình đi học của thanh niên Hà Nội

Kết quả số liệu ban đầu cho thấy, trong tổng số 4685 thanh niên được khảo sát, có 1,1% có trình độ tiểu học, 7,8% có trình độ trung học cơ sở, 33,4% đã và đang có trình độ trung học phổ thông và trung cấp. Một phần mẫu khảo sát được thực hiện tại các trường đại học nên tỷ lệ thanh niên đã và đang theo học bậc cao đẳng, đại học và sau đại học khá cao với 57,7%. Xét theo giới tính, tỷ lệ nam thanh niên thấp hơn với 55,3% trong khi nữ thanh niên là 60,1%.

Bảng 1 cho thấy tương quan tỷ lệ thuận giữa trình độ học vấn của cha mẹ với số lượng thanh niên đã và đang theo học bậc đại học. Cụ thể, người cha hoặc người mẹ có trình độ học vấn tiểu học trở xuống, có 37,1% và 41,6% thanh niên học ở bậc đại học, trong khi với các bậc cha mẹ có trình độ cao đẳng thì tỷ lệ tương ứng là 84,5% và 85,4%. Nhìn chung, trình độ học vấn của người cha hoặc người mẹ càng cao thì tỷ lệ thanh niên theo

Bảng 1. Trình độ học vấn của thanh niên Hà Nội tương quan với học vấn của cha và mẹ (%)

	Tiểu học	Trung học cơ sở	Phổ thông trung học	Cao đẳng, đại học
<i>Trình độ học vấn của thanh niên</i>	<i>Tương quan với trình độ học vấn của cha</i>			
Tiểu học	6,6	0,9	0,4	0
THCS	11	12,1	3,6	1,4
PTTH	45,3	42,4	31	14,1
Đại học	37,1	44,7	65	84,5
<i>Tổng (N)</i>	<i>318</i>	<i>1511</i>	<i>1704</i>	<i>872</i>
<i>Trình độ học vấn của thanh niên</i>	<i>Tương quan với trình độ học vấn của mẹ</i>			
Tiểu học	4,2	1,3	0,2	0
THCS	10,6	10,8	3,6	1,1
PTTH	43,6	41,0	29,1	13,5
Đại học	41,6	46,9	67	85,4
<i>Tổng (N)</i>	<i>385</i>	<i>1737</i>	<i>1685</i>	<i>623</i>

học đại học càng cao. Thực tế cũng cho thấy các bậc cha mẹ có trình độ học vấn cao thường đề cao vai trò của học vấn và có thể có những yêu cầu cao hơn về học hành của thanh niên. Nhờ có học vấn cao nên cha mẹ có thể định hướng cho con tốt hơn. Mặt khác, cha mẹ có học vấn cao thường tiếp tục kéo dài tuổi đi học của con cái hơn là các gia đình mà cha mẹ có học vấn thấp.

Bảng 2 chỉ ra sự chênh lệch rõ rệt về tỷ lệ thanh niên theo học đại học do tác động của đặc điểm nghề nghiệp của cha mẹ. Thanh niên có cha hoặc mẹ là cán bộ viên chức có tỷ lệ theo học cao đẳng trở lên cao nhất với 79,7% và 82,3%. Tỷ lệ này giảm dần khi thanh niên có cha hoặc mẹ là công nhân (57,5% và 64,9%), buôn bán, dịch vụ (58,5% và 62%) và thấp nhất là nông nghiệp (39,4% và 41,9%). Ngoài ra, so sánh tương quan hai biến tác động nghề nghiệp của cha và mẹ đối với thanh niên cũng có thể nhận thấy ảnh hưởng nghề nghiệp của mẹ lên tỷ lệ thanh niên theo học đại học cao hơn so với ảnh hưởng nghề nghiệp của cha mặc dù sự chênh lệch dường như không lớn.

Xét theo mức sống gia đình, có thể thấy mức sống của gia đình tỷ lệ

Bảng 2. Trình độ học vấn của thanh niên Hà Nội tương quan với nghề nghiệp của cha, mẹ (%)

	Cán bộ viên chức	Buôn bán, dịch vụ	Công nhân	Nông nghiệp
<i>Trình độ học vấn của thanh niên</i>	<i>Tương quan với nghề nghiệp của cha</i>			
Tiểu học	0,1	0,5	1,3	2,1
THCS	2,2	5,6	5,8	14,2
PTTH	17,9	35,4	35,5	44,3
Đại học	79,7	58,5	57,5	39,4
Tổng (N)	1395	641	956	1651
<i>Trình độ học vấn của thanh niên</i>	<i>Tương quan với nghề nghiệp của mẹ</i>			
Tiểu học	0,1	0,4	1,3	1,9
THCS	1,2	5,3	4,8	1,8
PTTH	16,4	32,3	29	43,4
Đại học	82,3	62	64,9	41,9
Tổng (N)	1067	697	542	2182

thuận với tỷ lệ thanh niên theo học bậc đại học. Gia đình có mức sống thấp có tỷ lệ con cái theo học đại học thấp nhất với 49,7%, gia đình có mức sống cao có tỷ lệ con cái theo học đại học cao nhất với 72,1%. Điều này xem ra tương đối sát với thực tế bởi điều kiện kinh tế gia đình là một yếu tố quan trọng tác động lên tỷ lệ đi học của thanh niên. Mặc dù chưa có bằng chứng để khẳng định mức độ các bậc cha mẹ đầu tư tiền bạc cho con cái trong nghiên cứu này nhưng trong bối cảnh kinh tế thị trường, mức độ giàu nghèo của gia đình chắc hẳn có liên quan đến tỷ lệ thanh niên tham gia bậc học đại học.

Về kết quả học tập, thành tích học tập của thanh niên Hà Nội ở bậc đại học nhìn chung đa số đạt loại khá giỏi. Kết quả khảo sát cho thấy có 10% thanh niên có thành tích học tập đạt loại giỏi và 60,6% có thành tích học tập đạt loại khá và 28,9% đạt loại trung bình. Trong đó, nữ thanh niên có kết quả học tập tốt hơn nam thanh niên, tỷ lệ đạt loại giỏi là 12,1% (nữ) và 7,7% (nam); tỷ lệ đạt loại khá là 66,3% (nữ) và 54,5% (nam). Xét tương quan giới cả về tỷ lệ theo học đại học và kết quả học tập, nữ thanh niên có ưu thế hơn nam thanh niên.

Như vậy, sự khác biệt về địa vị xã hội của cha mẹ có thể tạo ra một sự khác biệt về cơ hội giáo dục cho thanh niên. Học vấn của cha mẹ có ảnh hưởng đến nghề nghiệp và việc làm của họ. Học vấn của cha mẹ cao thì họ có thể có việc làm uy tín, có thu nhập cao và thu nhập thì lại ảnh hưởng đến các khoản đầu tư cho giáo dục của con cái. Hơn nữa, nghề nghiệp của cha mẹ cũng ảnh hưởng đến việc tiếp cận thông tin và tạo lập mạng lưới xã hội (Nguyễn Thị Minh Phương, 2007). Điều này lại tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi hơn cho con cái họ trong việc tiếp cận giáo dục cũng như cơ hội nghề nghiệp. Mỗi đặc điểm xã hội của cha mẹ lại có tác động khác nhau đối với việc tham gia giáo dục bậc đại học của thanh niên. Vì vậy, trong phần tiếp theo bài viết có những phân tích cụ thể hơn để làm rõ tác động qua lại của từng biến số đối với việc đi học của thanh niên ở bậc đại học.

2. Tác động của gia đình đối với việc học đại học của thanh niên Hà Nội

Để có một hình dung rõ hơn, mô hình phân tích đa biến được sử dụng để xem xét tác động riêng lẻ của từng yếu tố gia đình đối với việc thanh niên theo học đại học. Giáo dục đại học của thanh niên trong bài viết này được đo lường qua tỷ lệ đi học đại học và kết quả học tập. Biến số phụ thuộc được xem xét trong phân tích hồi quy là có đi học đại học hay không (có = 1) và kết quả học tập (khá giỏi = 1). Ảnh hưởng của gia đình được xem xét qua các biến số độc lập: nghề nghiệp của bố và mẹ, học vấn của bố và mẹ, mức sống của gia đình, khu vực, số thế hệ, mức độ gắn gũi của thanh niên với bố và mẹ, mong muốn của bố mẹ về giáo dục bậc đại học cho con cái. Ngoài ra, yếu tố giới cũng được đưa vào xem xét.

Kết quả phân tích hồi quy cho thấy một số phát hiện khá thú vị.

Theo khu vực, thanh niên đô thị có tỷ lệ theo học đại học cao gấp 1,43 lần so với khu vực nông thôn. Điều này là hợp lý bởi đô thị là nơi tập trung các nguồn lực xã hội dành cho giáo dục nên thanh niên ở khu vực đô thị nhìn chung có cơ hội tiếp cận giáo dục bậc cao tốt hơn so với những người bạn sống ở nông thôn.

Về tác động của mức sống, kết quả cho thấy gia đình có mức sống trung bình có tỷ lệ thanh niên đi học đại học cao nhất, và sự khác biệt về tỷ lệ thanh niên đi học đại học trong gia đình có mức sống thấp và gia đình có mức sống cao là không đáng kể. Mặc dù giáo dục đại học ở Việt Nam là một trong những hình thức giáo dục chi phí cao nhưng không phải cứ gia đình có điều kiện kinh tế khá giả thì con cái có khả năng theo học đại học. Điều này có lẽ còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác, đặc biệt là định

Bảng 3. Tác động của các yếu tố gia đình đến tỷ lệ học đại học của thanh niên Hà Nội

Yếu tố	Biến số	Tỷ số chênh lệch	N
Giới	Nữ (so sánh)	1	1993
	Nam	0,86*	1912
Khu vực	Nông thôn (so sánh)	1	1010
	Thành thị	1,43***	2895
Mức sống	Thấp (so sánh)	1	1497
	Trung bình	1,22**	1427
	Cao	1,05	981
Số thế hệ	Hai thế hệ	1	3340
	Ba thế hệ	0,89	565
Học vấn của cha	Tiểu học (so sánh)	1	278
	Trung học cơ sở	1,10	1333
	Trung học phổ thông	1,67***	1506
	Cao đẳng trở lên	1,84***	788
Học vấn của mẹ	Tiểu học (so sánh)	1	316
	Trung học cơ sở	1,10	1530
	Trung học phổ thông	1,22	1475
	Cao đẳng trở lên	1,34	584
Nghề nghiệp của cha	Nông nghiệp (so sánh)	1	1805
	Viên chức	1,8***	992
	Công nhân	1,3**	476
	Buôn bán - dịch vụ	1,18	632
Nghề nghiệp của mẹ	Nông nghiệp (so sánh)	1	1357
	Viên chức	1,64***	1212
	Công nhân	1,39**	792
	Buôn bán - dịch vụ	1,13	544
Mong muốn của cha mẹ	PTIH	1	357
	CDDH	3,31***	1857
	Sau ĐH	17,56***	638
	Tùy năng lực của con	4,68***	1053
Mức độ gần gũi với cha	ít gần gũi (so sánh)	1	952
	Khá gần gũi	1,17*	1839
	Rất gần gũi	0,96	1114
Mức độ gần gũi với mẹ	ít gần gũi (so sánh)	1	506
	Khá gần gũi	1,16	1689
	Rất gần gũi	1,33**	1710
Tổng			
R ²			20,8

Mức ý nghĩa thống kê: * P < 0,1 ** P < 0,05 *** P < 0,01

hướng, kỳ vọng của cha mẹ đối với giáo dục đại học cho con cái.

Trình độ học vấn của người cha và người mẹ tác động tỷ lệ thuận với tỷ lệ thanh niên theo học đại học, trình độ học vấn của người cha và người mẹ càng cao tỷ lệ thanh niên theo học bậc cao đẳng trở lên càng cao. Thanh niên có người cha với trình độ học vấn cao đẳng trở lên thì tỷ lệ đi học đại học là cao nhất, gấp 1,84 lần so với thanh niên có cha có trình độ tiểu học. Một vấn đề khác là nếu ảnh hưởng của người cha đối với tỷ lệ đi học của thanh niên là mối quan hệ chặt chẽ thì ảnh hưởng của người mẹ lại chưa được khẳng định.

Nghề nghiệp của cha và mẹ là những yếu tố tác động đáng kể đến việc thanh niên theo học đại học. Thanh niên có cha và hoặc mẹ làm viên chức có tỷ lệ theo học bậc học này cao nhất, sau đó là những người có cha mẹ làm công nhân. Với những người có cha hoặc/và mẹ có nghề nghiệp là buôn bán, kinh doanh thì tỷ lệ thanh niên theo học đại học không có khác biệt lớn so với những người có cha hoặc/ và mẹ làm nông nghiệp.

Một điều thú vị là mong muốn của cha mẹ về bậc học của con cái có mối liên hệ rất chặt chẽ với tỷ lệ thanh niên theo học đại học. Đặc biệt khi cha mẹ mong muốn cho con cái học đại học thì tỷ lệ thanh niên theo học bậc học này cao gấp 3,3 lần so với những bậc cha mẹ mong muốn con cái học hết phổ thông trung học. Mặc dù mong muốn của cha mẹ trong nghiên cứu này là một biến số mang tính cảm quan nhiều hơn là một biến số thực tế, nó cũng gợi ra rằng kỳ vọng của cha mẹ để con cái theo học đại học có lẽ là một yếu tố tích cực giúp cho tỷ lệ con cái họ đạt được trình độ học vấn mong muốn.

Tương quan giữa mức độ gắn gũi của người cha và người mẹ với tỷ lệ theo học đại học của thanh niên có đôi chút khác biệt. Nếu mức độ gắn gũi của thanh niên với người cha có khác nhau thì điều đó không tác động đến tỷ lệ thanh niên theo học đại học, ngược lại, sự gắn gũi của người mẹ lại có mối quan hệ tỷ lệ thuận với tỷ lệ thanh niên theo học đại học. Thanh niên thường xuyên tâm sự với mẹ có tỷ lệ đi học bậc đại học cao gấp 1,33 lần so với thanh niên ít tâm sự với mẹ.

3. Gia đình và học lực ở bậc đại học của thanh niên

Theo một nhà giáo dục học, kết quả học tập chịu tác động trực tiếp nhất từ gia đình, cụ thể là hoàn cảnh kinh tế xã hội và quan điểm giáo dục của các bậc cha mẹ chứ không hẳn là do mức chi ngân sách, chất lượng giáo viên, giáo trình, bài giảng (Lê Ngọc Hùng, 2006). Trong phần tiếp theo

Bảng 4. Tác động của đặc điểm gia đình đối với học lực khá giỏi của thanh niên Hà Nội

Yếu tố	Biến số	Tỷ số chênh lệch	N
Giới	Nữ (so sánh)	1	1252
	Nam	0,45***	1107
Khu vực	Nông thôn (so sánh)	1	424
	Thành thị	0,77*	1935
Mức sống	Thấp (so sánh)	1	778
	Trung bình	1,14	850
	Cao	1,41***	731
Số thế hệ	Hai thế hệ	1	2015
	Ba thế hệ	0,92	344
Học vấn của cha	Tiểu học (so sánh)	1	106
	Trung học cơ sở	0,90	603
	Trung học phổ thông	0,84	986
	Cao đẳng trở lên	1,10	664
Học vấn của mẹ	Tiểu học (so sánh)	1	136
	Trung học cơ sở	0,7	728
	Trung học phổ thông	1,03	997
	Cao đẳng trở lên	1,26	498
Nghề nghiệp của cha	Nông nghiệp (so sánh)	1	573
	Viên chức	1,11	975
	Công nhân	1,23*	475
	Buôn bán - dịch vụ	1,26	336
Nghề nghiệp của mẹ	Nông nghiệp (so sánh)	1	814
	Viên chức	0,79	818
	Công nhân	0,99	316
	Buôn bán - dịch vụ	0,82	411
Mong muốn của cha mẹ	PTTH	1	74
	CD ĐH	3,35***	1029
	Sau ĐH	4,71***	581
	Tùy năng lực của con	3,40***	675
Mức độ gần gũi với cha	ít gần gũi (so sánh)	1	548
	Khá gần gũi	1,10	1152
	Rất gần gũi	1,44**	659
Mức độ gần gũi với mẹ	ít gần gũi (so sánh)	1	282
	Khá gần gũi	1,27	1012
	Rất gần gũi	1,14	1065
Tổng			2359
R ²			6,8

Mức ý nghĩa thống kê : * P < 0,1 ** P < 0,05 *** P < 0,01

chúng ta sẽ xem xét tác động của một số đặc điểm xã hội của gia đình tác động đến kết quả học tập (khá giỏi) của thanh niên Hà Nội ở bậc đại học như thế nào.

Kết quả phân tích cho thấy khu vực sinh sống có tác động đáng kể đối với học lực khá, giỏi của thanh niên, trong đó, thanh niên thành thị có tỷ lệ học khá giỏi thấp hơn thanh niên nông thôn.

Mức sống có tác động tỷ lệ thuận đối với học lực của thanh niên ở chỗ gia đình có điều kiện kinh tế khá giả, tỷ lệ thanh niên có học lực khá càng tăng. Cụ thể, với những gia đình có kinh tế khá giả, thanh niên có tỷ lệ đạt được học lực khá, giỏi cao gấp 1,41 lần so với những người có kinh tế gia đình ở mức thấp.

Một số đặc điểm khác của gia đình như số thế hệ, học vấn của cha và mẹ, nghề nghiệp của cha và mẹ không có tương quan ý nghĩa đối với kết quả học tập ở bậc đại học của thanh niên. Kết luận này có vẻ trái ngược lại với những phát hiện của các nghiên cứu trước, vì vậy, cần coi đây là một vấn đề cần kiểm chứng thêm trong các nghiên cứu sâu hơn.

Ngược lại, mối quan hệ giữa mong muốn của cha mẹ và học lực của thanh niên là mối tương quan rất có ý nghĩa. Các bậc phụ huynh mong muốn con cái đạt trình độ đại học có tỷ lệ con cái học lực khá, giỏi cao gấp 3-4 lần. Như trên đã nói, có thể mong muốn của cha mẹ tạo ra một áp lực nào đó và điều này có lẽ có tác dụng tích cực đối với thành tích học tập ở bậc đại học cho thanh niên.

Sự gần gũi của thanh niên với cha và mẹ hầu như không có tác động đối với kết quả học tập của thanh niên Hà Nội. Với người mẹ, mức độ gần gũi khác nhau không tạo nên sự khác biệt về học lực của thanh niên nhưng với người cha, mức độ rất gần gũi của thanh niên với người này khiến cho tỷ lệ thanh niên có học lực khá giỏi cao hơn 1,14 lần so với những người ít gần gũi với người cha.

Thảo luận và kết luận

Tác động của gia đình đối với giáo dục bậc đại học cho thanh niên là một vấn đề khá đặc thù của các nghiên cứu xã hội học. Giáo dục đại học là một cấp độ giáo dục chuyên biệt nhằm đào tạo kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp cho cá nhân, hay nói rộng hơn là đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước. Đầu tư vào giáo dục đại học cho các công dân trẻ tuổi là một hình thức đầu tư vốn con người và cách thức mà các bậc cha mẹ khi ra quyết định cho con cái học đại học đều có xu hướng tính toán và phân tích

so sánh chi phí và lợi ích trong hiện tại và kỳ vọng ở tương lai (Lê Ngọc Hùng, 2006). Thực tế cho thấy, hàng triệu gia đình Việt Nam quan tâm, lo lắng và tích cực đầu tư cho con thi vào đại học là một bằng chứng chứng minh gia đình thực sự quan tâm và kỳ vọng vào giáo dục bậc đại học cho con em mình.

Ảnh hưởng của gia đình đối với giáo dục đại học của thanh niên rất khác so với giáo dục cho học sinh ở cấp tiểu học, trung học cơ sở hay trung học phổ thông. Nhưng không vì vậy mà vai trò của gia đình đối với giáo dục đại học của thanh niên giảm đi mà càng quan trọng và có ý nghĩa thực tiễn đối với xã hội. Nếu tỷ lệ đi học và kết quả học tập của học sinh phổ thông còn phụ thuộc vào mối liên hệ giữa gia đình và nhà trường (Nguyễn Thị Minh Phương, 2008) thì lên tới cấp đại học, mối liên hệ này dường như khá mờ nhạt. Thay vào đó, sự quan tâm, định hướng nghề nghiệp, đầu tư về tài chính của gia đình sẽ là những nhân tố có vai trò chính yếu đối với những thanh niên đã và đang theo học bậc đại học. Tuy nhiên, do giới hạn về mặt số liệu, tác giả chưa có điều kiện tìm hiểu kỹ hơn vai trò của gia đình trong việc đầu tư tiền bạc và thời gian, sự quan tâm và định hướng giúp thanh niên chọn ngành chọn nghề khi theo học đại học.

Tựu chung lại, phân tích cho thấy các đặc điểm xã hội của gia đình đã có ảnh hưởng khác nhau đến việc học của con cái nói chung và học đại học của thanh niên Hà Nội nói riêng. Trong phân tích này, mô hình phân hồi quy đa biến giải thích được 20,8% tác động của gia đình đối với tỷ lệ theo học đại học của thanh niên và chỉ giải thích 6,8% tác động của gia đình đối với học lực khá giỏi của thanh niên ở bậc đại học. Nếu việc thanh niên theo học đại học chịu ảnh hưởng đáng kể của gia đình thì học lực của thanh niên ở bậc đại học là do các yếu tố ngoài gia đình quyết định nhiều hơn. Các yếu tố này có thể là năng lực của mỗi cá nhân hoặc khuôn mẫu trong trường học hay đặc thù của thiết chế giáo dục ở Việt Nam.

Mô hình đa biến có thể chỉ ra một số đặc điểm gia đình của những thanh niên theo học đại học gồm có: sống ở đô thị, kinh tế gia đình trung bình, người cha có học vấn cấp 3 trở lên, người cha/người mẹ là viên chức hoặc công nhân, cha mẹ có mong muốn cho con theo học đại học, thanh niên khá gần gũi với người cha và rất gần gũi với người mẹ. Một số đặc điểm gia đình ảnh hưởng đến kết quả học tập (khá giỏi) ở bậc đại học của thanh niên gồm có: sống ở nông thôn, kinh tế gia đình khá, người cha là công nhân, cha mẹ có mong muốn cho con cái học đại học trở lên, rất gần gũi với người cha. Xét tương quan giới thì nữ thanh niên có ưu thế hơn

nam thanh niên. Nữ thanh niên có khả năng theo học bậc đại học và đạt kết quả học tập khá giỏi đều cao hơn so với nam thanh niên.

Theo Đỗ Thiên Kính (2007), trong bối cảnh xã hội đang tiến hành công nghiệp hoá, ảnh hưởng của gia đình, đặc biệt là địa vị xã hội của cha mẹ lên giáo dục đạt được của con cái ngày càng tăng. Đích hướng đại học cho các công dân trẻ tuổi hiện vẫn là kỳ vọng của nhiều gia đình Việt Nam và có một thực tế không thể phủ nhận là nhiều bậc cha mẹ rất mong muốn và sẵn sàng đầu tư cho con cái đi học tới bậc đại học. Các bậc cha mẹ dù có học vấn cao hay thấp, nghề nghiệp thuộc về lĩnh vực nào của xã hội cũng đều mong muốn con cái có đạt được cấp học cao nhất và kết quả học tập tốt nhất có thể. Ngoài ra, điều này cũng phụ thuộc vào rất nhiều các yếu tố khác như khả năng, nỗ lực của con cái hay điều kiện kinh tế của gia đình, khu vực sinh sống. Do đó, các phân tích của bài viết chỉ là một gợi ý để suy nghĩ về sự cần thiết phải có những nghiên cứu về mối liên hệ giữa đặc điểm xã hội của gia đình đối với giáo dục đại học cho thanh niên để có thể thu hút thêm sự đầu tư không chỉ về kinh tế mà cả các nguồn lực phi kinh tế nhằm phát triển vốn con người cho xã hội. ■

Tài liệu tham khảo

- Bộ Y tế. 2004. *Điều tra Quốc gia về Vị Thành niên và Thanh niên Việt Nam*.
- Đặng Vũ Cảnh Linh. 2003. *Vị thành niên và chính sách đối với vị thành niên*. Nxb. Lao động – Xã hội. Hà Nội.
- Đỗ Thiên Kính. 2005. “Bất bình đẳng về giáo dục ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Xã hội học*, số 1/2005.
- Lê Ngọc Hùng. 2006. *Xã hội học giáo dục*. Nxb. Lý luận chính trị. Hà Nội.
- Nguyễn Thị Minh Phương. 2007. *Ảnh hưởng của địa vị xã hội của cha mẹ lên giáo dục đạt được của con cái*. Kỷ yếu khoa học Kết quả nghiên cứu tại khảo sát ở Tiền Giang năm 2005. Nxb. Khoa học Xã hội. Hà Nội.
- Nguyễn Thị Minh Phương. 2008. “Ảnh hưởng của các yếu tố ngoài nhà trường đến việc học tập của học sinh”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, Quyển 18, số 2.
- Phạm Hương Trà. 2008. “Biến đổi mức đầu tư cho giáo dục của gia đình”. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*, Quyển 18, số 4.